

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

Một số vấn đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa  
ở Việt Nam/ Đỗ Hoài Nam<sup>(\*)</sup>(chủ biên).- Nxb Khoa  
học xã hội.- H.: 2003.- 305 tr.



của Viện Kinh tế học, nay là Viện Kinh tế Việt Nam; của Đề tài KHXH 02.01 “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện thế giới ngày nay và trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta” và Đề tài KX 02.04 “Mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng XHCN ở Việt Nam”.

Cuốn sách gồm 5 chương.

Chương 1: Kinh nghiệm thế giới  
về công nghiệp hóa

Các tác giả đã tập trung nghiên cứu  
những kinh nghiệm thế giới về công

Cuốn sách “Một số vấn đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam” được biên soạn trên cơ sở kết quả nghiên cứu từ năm 1996 đến

năm 2003

nghiệp hóa (CNH) chủ yếu dưới góc độ tiếp cận về mô hình CNH, trong đó đặc biệt chú ý tới một số mô hình như: mô hình kiểu cổ điển, mô hình CNH trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, mô hình CNH thay thế nhập khẩu và mô hình CNH hướng về xuất khẩu.

Về *mô hình CNH kiểu cổ điển* trước thế kỷ XX, các tác giả cho rằng "...điều kiện lịch sử ngày nay đã đổi khác, nhưng logic về trình tự bước đi của quá trình CNH trong mô hình cổ điển vẫn là một khuôn mẫu chuẩn mực để tham khảo" và bài học có tính gợi mở về phương pháp luận rút ra từ việc khảo cứu mô hình này "...là cơ sở xuất phát của việc khảo cứu các cách tiếp cận về bước đi của CNH trong điều kiện hiện nay" (tr.22). Đối với những biến thể đáng lưu ý của mô hình này, các tác giả cho rằng do độ lớn (quy mô) và tính chất của quá trình CNH khác nhau, nên có thể chia thành hai loại: một là, các nước công nghiệp tư

(\*) GS, TS, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

bản chủ nghĩa (TBCN) quy mô lớn (Mỹ, Đức và Nhật Bản) tuy tiến hành CNH muộn hơn, nhưng về căn bản cũng dựa trên những tiền đề tương tự như ở Anh và Pháp, tạo thành nhóm các nước CNH theo mô hình cổ điển rút ngắn, sự khác biệt chủ yếu là ở chỗ các nước đi sau đã dựa trên khuôn mẫu và kỹ thuật công nghệ của các nước đi trước để rút ngắn thời gian của các giai đoạn trong toàn bộ hành trình CNH của mình; và hai là, các nước công nghiệp TBCN quy mô tương đối nhỏ hơn (các nước Bắc Âu và một số nước Tây Âu, như Đan Mạch, Phần Lan, Hà Lan, Thuỵ Điển, Áo, Bỉ, Thuỵ Sĩ...) Nhóm nước này, về nhiều mặt, đạt mức độ phát triển tương đương như các nước CNH cổ điển nên có vị trí cao trên trường quốc tế, nó cho thấy rõ "...tác động của sự liên kết và phân công lao động quốc tế giữa các nước nhỏ với các trung tâm công nghiệp lớn của thế giới, đặc biệt trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa kinh tế quốc tế đang ngày càng gia tăng như hiện nay" (tr. 30).

Để cập đến mô hình CNH trong thế kỷ XX, các tác giả cho rằng, mô hình CNH này được tiến hành trong điều kiện thế giới có những thay đổi to lớn về chính trị, kinh tế - xã hội so với những thế kỷ trước do tác động của cách mạng khoa học công nghệ và sự phát triển của lực lượng sản xuất. "Những nước đi sau có khả năng tiến hành CNH rút ngắn theo hướng hiện đại". Nhưng theo các tác giả, "quá trình CNH này chỉ có thể thành công một khi nó được thực hiện phù hợp

với xu hướng vận động khách quan của đời sống kinh tế - xã hội" (tr.31).

*Mô hình CNH trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung* thể hiện rất rõ tính chủ động của quá trình CNH với ý chí quyết tâm đẩy nhanh tiến trình, rút ngắn thời gian bằng phương châm "nhảy vọt" và "đại nhảy vọt" về trình độ phát triển công nghệ-kỹ thuật, nhưng những tiền đề khách quan đảm bảo cho chúng còn chưa hội đủ và "xét trên phạm vi toàn bộ hệ thống kinh tế, những mất cân đối kinh tế vĩ mô: sản xuất - tiêu dùng, tiết kiệm - đầu tư, công nghiệp - nông nghiệp..." đã không được chú ý một cách thích đáng.

*Mô hình CNH thay thế nhập khẩu*, xét về góc độ tăng trưởng công nghiệp, tuy đã đạt được một số kết quả tương đối tốt và được áp dụng rộng rãi, nhưng về cơ bản đã không thể đạt được mục tiêu là xây dựng một nền kinh tế và công nghiệp độc lập, tự chủ và không bị phụ thuộc vào các cường quốc công nghiệp. Thậm chí, "trong một số trường hợp, quá trình tăng trưởng công nghiệp nói riêng và kinh tế nói chung đã bị dừng hẳn lại do hổ mô hình này đã không thể giải quyết được những vấn đề có liên quan đến thể chế xã hội" (tr.50).

*Mô hình CNH hướng về xuất khẩu* khác với mô hình CNH thay thế nhập khẩu không chỉ ở việc thay đổi nguồn động lực: "lấy thị trường ngoài nước thay cho thị trường trong nước; xuất khẩu những thứ mà thị trường thế giới có nhu cầu thay cho việc xuất khẩu những thứ mà mình săn có; mà còn lấy lợi thế so sánh của đất nước làm cơ sở

thay cho nhu cầu phải có những loại sản phẩm nào đó..." (tr.50), v.v... Song từ cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á (từ tháng 7/1997) đã xuất hiện ngày càng nhiều ý kiến về tính hữu dụng của mô hình này. Sau khi trình bày sơ lược về *chiến lược CNH theo kiểu hỗn hợp* - kết hợp giữa hướng về xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, các tác giả đã đề cập đến *mô hình CNH theo hướng hội nhập quốc tế* - với các đặc trưng cơ bản là: "có một cơ cấu công nghệ theo hướng hội nhập quốc tế có tính linh hoạt và mềm dẻo; một thể chế kinh tế - xã hội theo hướng hội nhập quốc tế và một nguồn nhân lực hội nhập quốc tế" (tr.69).

Bàn về *bài học kinh nghiệm từ các mô hình CNH*, các tác giả đã phân tích những thành công và tồn tại của tiến trình thử nghiệm mô hình mới CNH ở Trung Quốc thời gian qua và cho rằng, đối với Việt Nam, một quốc gia lỏng giềng có sự tương đồng về thể chế kinh tế - chính trị và nhiều phương diện văn hóa - xã hội khác, thì "...những bài học thực tế từ mô hình CNH Trung Quốc còn có ý nghĩa tham khảo tốt trong quá trình CNH, HDH rút ngắn thời gian để đến năm 2020 về cơ bản trở thành một nước công nghiệp" (tr. 87).

Từ những nét đặc trưng cơ bản và kinh nghiệm của các mô hình CNH, các tác giả đã đưa ra một số nhận xét tổng quát và những hàm ý chính sách trên các vấn đề sau: *một là*, mỗi mô hình CNH đều trên đều ra đời và tồn tại trong những bối cảnh kinh tế, chính trị và xã hội nhất định. Chính những hoàn cảnh khách quan ấy đã quy định toàn

bộ tiến trình CNH cùng những thành công cũng như hạn chế của chúng; *hai là*, mỗi mô hình CNH đều có những khía cạnh hợp lý nên sẽ là lý tưởng nếu tận dụng được tối đa các yếu tố hợp lý của mỗi một mô hình để thúc đẩy quá trình CNH. Điều quan trọng hàng đầu đối với mỗi nền kinh tế là xem xét mức độ thích hợp của các điều kiện khách quan và chủ quan để có thể tận dụng được chúng một cách có hiệu quả; và *ba là*, nhìn một cách tổng thể, so với quá trình CNH cổ điển, công cuộc CNH ngày nay có nhiều mặt thuận lợi hơn và cũng nhiều khó khăn hơn; chúng luôn đan xen nhau và có thể chuyển hoá lẫn nhau, nhưng vấn đề đặt ra cho những nước tiến hành CNH muộn là phải tích cực tranh thủ cơ hội, vượt qua khó khăn, thách thức để phát triển (tr. 87-95). Theo các tác giả, hành trình CNH của những quốc gia đi sau được hình dung như quá trình rượt đuổi nhằm bắt kịp trình độ của các nước đi trước với khoảng thời gian ngày càng rút ngắn theo một khuôn khổ chung gồm 5 bước: "1/ Xuất khẩu sản phẩm truyền thống; 2/ Thay thế nhập khẩu hàng tiêu dùng thông dụng; 3/ Xuất khẩu hàng hóa là sản phẩm của công nghiệp chế biến, chủ yếu có nguồn gốc từ nông phẩm; 4/ Thay thế nhập khẩu hàng công nghiệp chế tạo để đầu tư và tiêu dùng lâu bền; và 5/ Xuất khẩu hàng công nghiệp chế tạo bậc cao, dùng cho sản xuất và tiêu dùng lâu bền" (tr.99).

**Chương 2: Một số quan điểm lý luận và thực tiễn chủ yếu về phát**

## triển và công nghiệp hoá ở một số nước đang phát triển châu Á

Theo các tác giả, ba loại quan điểm lý luận và thực tiễn là “cấu trúc luận”, “chủ nghĩa tự do mới” và “công nghiệp hoá phát huy lợi thế so sánh” đã chỉ phôi qua trình phát triển và CNH ở một số nước đang phát triển châu Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ 2 đến trước cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á. Do sự thay đổi và phát triển của thế giới, những quan điểm lý thuyết này ngày càng được bổ sung, sửa đổi để đáp ứng những nhu cầu phát triển thực tế ở mỗi thời kỳ khác nhau. Về “cấu trúc luận”, theo các tác giả, những nội dung chính được khẳng định trong quan điểm lý luận này bao gồm: “1/ Thị trường không đủ cho phát triển kinh tế, do đó nhà nước cần tích cực tìm cách thúc đẩy sự phát triển; 2/ Quá trình phát triển sẽ được thực hiện thông qua việc chuyển đổi các nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp; và 3/ Để tăng trưởng kinh tế và chuyển đổi cơ cấu đòi hỏi phải tăng mức đầu tư trong nền kinh tế” (tr.107). Trên cơ sở vận dụng những quan điểm của cấu trúc luận, CNH thay thế nhập khẩu được triển khai và chiếm ưu thế trong thời kỳ này ở các nước đang phát triển, nó không chỉ đóng góp đáng kể cho sự phát triển lý thuyết mà còn góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế thực tế. Tuy nhiên, đến những năm 1960, quan điểm lý luận này đã bị phê phán và trên thực tế đã không thu được những kết quả mong muốn.

“Chủ nghĩa tự do mới”, theo các tác giả, nhấn mạnh vào quy luật phổ biến

của phát triển kinh tế. Nó thừa nhận về mặt nguyên tắc, những nguyên lý của sự phát triển kinh tế giống nhau và có thể được áp dụng một cách rộng rãi từ những nước phát triển nhất tới những nước kém phát triển nhất, chẳng hạn như tính phổ biến của các lực lượng thị trường. Đồng thời, nó cũng chỉ rõ nguyên nhân mà hầu hết các nước đang phát triển đã thất bại trong CNH là do không tận dụng những cơ hội do sự tăng trưởng nhanh chóng của mậu dịch quốc tế mang lại. “Nó phê phán sự kém hiệu quả của chính sách thay thế nhập khẩu và sự can thiệp quá sâu của nhà nước” (tr. 112).

Về “công nghiệp hoá phát huy lợi thế so sánh”, các tác giả đã tập trung phân tích năm lợi thế so sánh, được coi là quan trọng nhất trong quá trình CNH của các nước đang phát triển, đó là: lao động, tài nguyên, công nghệ, vốn và thị trường, nhằm chứng minh cho một quan điểm mới về CNH phát huy lợi thế so sánh động trong khuôn khổ của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Để tạo ra một sự cân đối và ổn định vì mục tiêu phát triển lâu dài của nền kinh tế, theo các tác giả cần bổ sung những nhân thiếu để kết hợp chúng với những nhân tố sẵn có nhằm đạt tới hiệu quả tối đa, xét cả về mặt kinh tế và xã hội, nhất là đối với các nước đang phát triển, kể cả trước mắt và lâu dài thì “...sự tồn tại song song, xen kẽ của chiến lược hướng vào xuất khẩu và chiến lược thay thế nhập khẩu trong đó hướng vào xuất khẩu là chủ yếu, thay thế nhập khẩu là bổ sung trên cơ sở xem xét và

phát huy lợi thế so sánh, đã và đang trở thành một xu hướng phát triển mạnh trong tương lai” (tr.134). Tiếp theo, các tác giả đã cụ thể hoá và nhấn mạnh hơn những thành công trong việc phát huy lợi thế so sánh động của các nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới (Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Indonesia, Đài Loan). Các tác giả cho rằng, thực hiện CNH phát huy lợi thế so sánh động đã giúp nhiều nền kinh tế đang phát triển châu Á tiến nhanh trong quá trình CNH. Đối với nước ta, về mặt lý luận và thực tiễn, thực hiện chiến lược này cũng là chiến lược thích hợp cho quá trình CNH đất nước trong bối cảnh hiện nay.

### **Chương 3: Các xu hướng phát triển chủ yếu của nền kinh tế thế giới đầu thế kỷ XXI và cơ hội tạo ra cho những nước công nghiệp hoá muộn**

Nền kinh tế thế giới trong hai thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX được phác họa bởi rất nhiều đặc điểm phát triển mới, theo các tác giả, đó là: công nghệ mới ra đời, chủ đạo là công nghệ thông tin với vai trò chuyển đổi một thời đại phát triển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế dựa vào tri thức; xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế trở thành đặc trưng của sự phát triển thế giới; xu hướng thị trường hoá nền kinh tế thế giới và sự tất yếu của tất cả các nền kinh tế quốc gia phải chủ động mở cửa phù hợp; hoà bình, ổn định, đối thoại và hợp tác vì sự tiến bộ và phát triển vẫn là dòng chảy chính của thế giới trong thiên niên kỷ mới; và xu hướng hình thành trật tự kinh

tế thế giới đa trung tâm ngày càng rõ nét...

Trên cơ sở phân tích những xu hướng phát triển kinh tế chủ yếu quy định sự phát triển của nền kinh tế thế giới trong thập kỷ tới, các tác giả đã đưa ra một số đánh giá tổng quát về sự tác động của những xu hướng này đến các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, như: Một là, các xu hướng phát triển kinh tế chủ yếu của thế giới thế kỷ XXI, về cơ bản đều thúc đẩy sự hình thành và phát triển của nền kinh tế toàn cầu hoá, liên kết chặt chẽ và hợp tác phát triển của các nền kinh tế quốc gia và khu vực... Hai là, các xu hướng toàn cầu ngày nay đã thể hiện tốc độ biến đổi cao và nhanh chóng của nền kinh tế toàn cầu... Ba là, dưới tác động của các xu thế mới, lợi thế so sánh của các quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu đã có những sự thay đổi căn bản... Bốn là, những tiền đề (điều kiện) thuận lợi cho việc thực hiện mô hình CNH rút ngắn của những nước CNH muộn hình thành ngày càng rõ nét... Năm là, liên kết và hợp tác giữa các quốc gia, các khu vực, giữa các tập đoàn kinh doanh lớn nhỏ là xu hướng chủ đạo, song sự cạnh tranh giữa chúng vẫn tồn tại và ngày càng quyết liệt... Sáu là, các xu hướng ngày nay trên thế giới đều là các xu hướng vận động nội tại, khách quan của nền kinh tế toàn cầu, nó không dung nạp bất kỳ một nền kinh tế biệt lập khép kín và lấy “thay thế nhập khẩu” làm xu thế chủ đạo cho sự phát triển...Và bảy là, các xu hướng phát triển chủ yếu của nền kinh tế thế giới thường được khơi nguồn và thúc đẩy

bởi các nước tư bản phát triển... (tr.191-198). Theo các tác giả, đối với Việt Nam, những xu hướng trên đây tạo ra nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn trong quá trình CNH, HDH đất nước.

#### **Chương 4: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam**

Nhìn từ góc độ nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với tư cách tạo điều kiện về thị trường, vốn, công nghệ, nguồn nhân lực và thể chế cho CNH, HDH đất nước, các tác giả đã tập trung bước đầu phân tích mối quan hệ giữa đẩy mạnh CNH, HDH và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đây là hai nội dung có mối quan hệ thống nhất, hữu cơ của quá trình rút ngắn để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Theo các tác giả, về mặt lý luận và thực tiễn cần phải khẳng định, kinh tế thị trường không đồng nhất hoặc là cái riêng có của CNTB. Kinh tế thị trường tồn tại và phát triển trong CNTB và cả trong CNXH; kinh tế thị trường chỉ là phương thức phát triển kinh tế dựa trên những nguyên tắc của thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Nó không thể quyết định bản chất và định hướng phát triển của một chế độ xã hội. Và “có thể khẳng định, chỉ phát triển có hiệu quả nền kinh tế thị trường hiện đại thì mới có khả năng thực hiện thành công CNH rút ngắn ở Việt Nam. Kinh tế thị trường phải là một yếu tố nội tại bền vững trong mô hình kinh tế

tổng quát định hướng XHCN ở nước ta” (tr.206).

Các tác giả cho rằng nền kinh tế thị trường ở nước ta phải được liên tục phát triển theo khuôn mẫu hiện đại. Để cập đến các giải pháp chuyển đổi, rút ngắn hiện đại, một số điểm cụ thể về chiến lược phát triển rút ngắn được nêu ra như: a/ vai trò mới của nhà nước; b/ cơ cấu kinh tế năng động, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế... c/ đề cao và kích thích tinh thần dân tộc của các nhà kinh doanh trong nước... d/ liên kết kinh tế chặt chẽ trong khu vực, thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài... e/ tận dụng sức mạnh của nền văn hoá truyền thống... (tr.212-213). Cần nhấn mạnh là, trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, giữ vững định hướng XHCN - tự nó cũng đã phác họa đậm nét bản chất của nền kinh tế thị trường hướng tới ở Việt Nam.

Theo các tác giả, công cuộc tiếp tục đổi mới ở nước ta trong 10 năm tới phải lấy việc hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN để phát huy tối đa nội lực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện CNH, HDH là nội dung cơ bản. Việc định hình khung cơ bản của thể chế kinh tế thị trường ở nước ta được thể hiện ở các nội dung cốt lõi, bao gồm: Thứ nhất, phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần, trong đó kinh tế công hữu là nền tảng và kinh tế nhà nước là chủ đạo, tư hữu và kinh tế tư nhân có vai trò rất quan trọng, có tính chiến lược lâu dài; đa dạng hoá các chủ thể

kinh tế thực hiện CNH, HDH. Thứ hai, xây dựng và phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt và có hiệu quả hệ thống thị trường mở cửa, kích thích cạnh tranh, công khai và minh bạch. Thứ ba, đổi mới chức năng của nhà nước phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN...

### **Chương 5: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn theo định hướng XHCN - mô hình phát triển của Việt Nam trong giai đoạn tới**

Sau khi trình bày những quan niệm tổng quát về CNH, HDH và những bằng chứng kinh nghiệm về việc thực hiện mô hình CNH trên thế giới, các tác giả cho rằng, để CNH thành công, nhất thiết phải đồng thời phát triển kinh tế thị trường và dựa vào cơ chế thị trường để phân bổ và điều tiết các nguồn lực tiến hành CNH. Tuy nhiên, thị trường tự nó không phải là điều kiện thể chế duy nhất bảo đảm cho CNH thành công ở mọi quốc gia. Trong thực tế, quá trình CNH ở từng quốc gia, tuy vẫn tuân theo logic tổng quát, song lại rất khác nhau trong việc lựa chọn mô hình, nội dung chiến lược, giải pháp thực hiện và bước đi cụ thể. Theo các tác giả, việc rút ngắn quá trình CNH chỉ có thể thực hiện được bằng cách: một là, đẩy nhanh tốc độ của các bước chuyển tuần tự từ nền kinh tế nông nghiệp cổ truyền sang nền kinh tế công nghiệp; và hai là, vượt qua logic "tuần tự" về bước đi, thực hiện những bước "nhảy vọt cơ cấu" để đẩy nhanh tiến trình CNH. Về logic CNH trong các điều kiện hiện đại, CNH không chỉ gắn với các mục tiêu, giải

pháp truyền thống mà phải có đích hướng và giải pháp hiện đại, như vậy, CNH cũng chính là quá trình HDH. Do đó, khái niệm CNH, HDH được hiểu là “quá trình CNH với các mục tiêu và giải pháp phù hợp với điều kiện và xu hướng phát triển hiện đại” (tr.258). Tiếp theo, các tác giả đã tập trung luận giải những yếu tố tác động đến việc lựa chọn và thực hiện mô hình CNH, HDH rút ngắn ở Việt Nam trong giai đoạn tới, bao gồm: một, đòi hỏi khách quan của nhiệm vụ thoát khỏi tình trạng tụt hậu phát triển; hai, sự thay đổi về thế và lực phát triển của nền kinh tế; và ba, bối cảnh và điều kiện quốc tế mới.

Trên cơ sở phân tích thực chất và nội dung của quá trình CNH, HDH ở nước ta, các tác giả cho rằng, có thể rút ra quan niệm khái quát về mô hình CNH, HDH, đó là: “CNH, HDH rút ngắn theo định hướng XHCN trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh do con người Việt Nam tạo ra, được thực hiện trong môi trường hội nhập và dựa vào phát huy tối đa nội lực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế” (tr.283). Về một số định hướng thực hiện mô hình CNH, HDH rút ngắn ở Việt Nam, các tác giả đã đề cập đến một số nội dung sau: 1/định hướng cơ cấu tổng thể - nội dung cốt lõi của mô hình CNH, HDH - của nền kinh tế nước ta trong 10 năm tới là “tăng trưởng trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh, kết hợp có hiệu quả giữa hướng vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu” (tr. 284); 2/định hướng cơ cấu ngành; 3/định hướng phát triển vùng; 4/định hướng phát triển các thành phần kinh tế (các

chủ thể CNH, HDH); 5/định hướng phát triển đồng bộ cấu trúc thị trường; 6/định hướng phát triển nguồn nhân lực; và 7/định hướng thúc đẩy quá trình CNH, HDH nông nghiệp và nông thôn... Về các giải pháp đẩy mạnh tiến trình CNH, HDH nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn tới, các tác giả đã đưa ra một số đề xuất, như: một là, thay đổi căn bản tư duy về an toàn lương thực. Cần giải quyết vấn đề an toàn lương thực trên cơ sở sức mạnh tổng hợp của quốc gia, lợi thế vùng trong sản

xuất lương thực...; hai là, tạo lập các điều kiện và môi trường để người nông dân và các chủ thể kinh tế thực hiện đầy đủ các quyền hiến định đối với đất đai...; và ba là, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần; đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn... (tr. 299).

TÙNG KHÁNH  
*lược thuật*